TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/07/2021
"*V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**
Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Lại Thiện Phong**
2/ Bà **Ngô Hồng Xuân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 07 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 78/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L**, sinh năm 1994 *(Có mặt)*

Hộ khẩu thường trú và chổ ở hiện nay: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh **Trần Văn H**, sinh năm 1991 *(Có mặt)*

Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Chổ ở hiện nay: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị L trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị L và anh H có tổ chức đám cưới vào tháng 04 năm 2014 và đến ngày 23/04/2014 thì chị L và anh H có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu tiên, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, cụ thể anh H hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, trong cuộc sống hàng ngày anh H nhiều lần giấu diếm tiền bạc không rõ ràng, dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn kéo dài cho đến khoảng tháng 04 năm 2021 thì anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột của anh H ở ấp N, xã N và ly thân với chị L cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay vợ chồng chị L và anh H không có liên lạc hàn gắn với nhau. Nay chị L nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn,

cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị L xin được ly hôn với anh H.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị L, anh H có một người con chung là cháu Trần Mộng N, sinh ngày 24/2/2016, hiện tại cháu N đang ở với chị L từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Khi ly hôn chị L yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản*: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Bị đơn anh Trần Văn H trình bày:

+ *Về hôn nhân:* Anh H thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian vợ chồng tổ chức đám cưới và thời gian vợ chồng đăng ký kết hôn. Sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu tiên, sau đó phát sinh mâu thuẫn, cụ thể vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh H thấy chị L hay nói chuyện điện thoại với người lạ, anh H có hỏi thì chị L nói với anh H là nói chuyện với bạn. Cách nay khoảng 02 tháng (khoảng tháng 04 năm 2021) thì chủ đất thuê anh H trang đất có trả tiền công cho anh H. Anh H để tiền trong tủ nhưng chưa kịp nói cho chị L biết thì chị L cho rằng anh H giấu diếm chuyện tiền bạc với chị L, dẫn đến vợ chồng cự cãi. Sau đó chị L đuổi anh H về bên nhà cha mẹ ruột của anh H vì anh H sống bên nhà vợ từ khi vợ chồng cưới nhau nên anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở ấp N, xã N và ly thân với chị L từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nay chị L xin được ly hôn với anh H thì anh H không đồng ý vì anh H xét thấy mâu thuẫn vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, hiện tại anh H vẫn còn thương vợ và con.

+ *Về con chung*: Anh H xác định quá trình chung sống vợ chồng anh H, chị L có một người con chung là cháu Trần Mộng N, sinh ngày 24/2/2016. Hiện tại cháu N đang ở cùng với chị L. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh H ly hôn thì về con chung anh H đồng ý giao con chung cho chị L nuôi, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh H không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trần Văn H; Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Mộng N, sinh ngày 24/02/2016 cho chị Trương Thị L chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Anh H có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu; Về quan hệ tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra chị L còn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn chị Trương Thị L khởi kiện xin được ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Trần Văn H. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, xã N, huyện H nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

- Về nội dung vụ án:

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Trương Thị L và anh Trần Văn H, thấy rằng: Chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H vào ngày 23/04/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị L xác định sau khi đám cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu tiên, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Cụ thể vợ chồng thường hay xảy ra cải nhau, anh H hay ghen tuông vô cớ, mâu thuẫn trong chuyện tiền bạc dẫn đến không tin tưởng lẫn nhau và vợ chồng đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 4 năm 2021 đến nay. Từ lúc ly thân đến nay chị L và anh H không có tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị L xét thấy không còn tình cảm với anh H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh H. Về phía anh H thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có xảy ra cãi nhau do anh H thấy chị L hay nói chuyện điện thoại với người lạ và cũng có cãi nhau về chuyện tiền bạc. Vợ chồng anh H, chị L đã ly thân với nhau khoảng 02 tháng nay, hiện tại anh H đã về nhà cha mẹ ruột ở ấp N, xã N để sinh sống. Tuy nhiên anh H không đồng ý ly hôn với chị L vì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không đến mức trầm trọng phải ly hôn, hiện tại anh H vẫn còn thương vợ và con. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên nền tảng vợ chồng cùng yêu thương, tôn trọng, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Nhưng cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh H lại thường xảy ra cãi vã do ghen tuông, không tin tưởng lẫn nhau trong tình cảm và tiền bạc. Đồng thời chị L và anh H đã không còn sống chung với nhau từ khoảng tháng 4 năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần động viên chị L hàn gắn với anh H tuy nhiên chị L một mực cương quyết xin được ly hôn với anh H, không đồng ý tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh H từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị L, cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trần Văn H.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L và anh H thống nhất xác định quá trình chung sống vợ chồng có với nhau một người con chung là cháu Trần Mộng N, sinh ngày 24/02/2016. Hiện tại cháu N đang sống cùng với chị L từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh H không đồng ý ly hôn với chị L tuy nhiên anh H xác định trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh H, chị L ly hôn thì anh H đồng ý giao cháu Trần Mộng N, cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc. Hội đồng xét xét xử xét thấy, hiện tại cháu Trần Mộng N chưa được 07 tuổi và là con gái, để bảo đảm cho cháu N có sự phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần cần tiếp tục giao cháu Trần Mộng N

cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục khi vợ chồng chị L, anh H ly hôn là phù hợp. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị L và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Buộc chị Trương Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng. Anh Trần Văn H không phải chịu án phí.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 88 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị L. Cho chị Trương Thị L được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Trần Mộng N, sinh ngày 24/02/2016 cho chị Trương Thị L chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục khi vợ chồng ly hôn. Anh H có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Chị Trương Thị L và anh Trần Văn H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Trương Thị L phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền là 300.000 đồng. Chị L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0011296 ngày 18/03/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày toà tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện H (2b);
- CC.THADS huyện H (1b);
- UBND xã N (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh